

Số: 41/TTr-HĐQT-TCĐL

Hà Nội ngày 12 tháng 12 năm 2024

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc Chủ trương tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược, Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Quản trị nội bộ**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực,**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/3/2024;

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (ĐHĐCĐ) phê duyệt, thông qua Chủ trương tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Quản trị nội bộ, nội dung cụ thể như sau:

### **1. Thông qua chủ trương tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance)**

Hội đồng Quản trị chủ trương tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng hỗ trợ EVNFinance gia tăng năng lực tài chính, phát triển kinh doanh, củng cố công nghệ, kiện toàn năng lực quản trị cho EVNFinance. Hội đồng Quản trị kính trình ĐHCĐ thông qua Chủ trương tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; Giao/Ủy quyền cho HĐQT nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí về năng lực tài chính và trình độ công nghệ đối với nhà đầu tư chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của EVNFinance, báo cáo Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVNFinance (Điều lệ) đã được sửa đổi lần thứ 13, được ĐHCĐ thông qua ngày 15/3/2024. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 (Luật Các TCTD 2024) có các quy định sửa đổi, bổ sung tác động cơ bản đến cơ chế quản trị, điều hành của EVNFinance. Để đảm



bảo Điều lệ phù hợp hơn với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt các nội dung sửa đổi, bổ sung và ủy quyền/giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ theo nội dung đã được thông qua.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại Phụ lục 01 và dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tờ trình này.

### **3. Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực đã được sửa đổi lần thứ 05, được ĐHCĐ thông qua ngày 15/3/2024. Luật Các TCTD 2024 có các quy định sửa đổi, bổ sung tác động cơ bản đến cơ chế quản trị, điều hành của EVNFinance. Để đảm bảo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT phù hợp hơn với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt các nội dung sửa đổi, bổ sung và ủy quyền/giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi Quy chế này theo nội dung đã được thông qua.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực tại Phụ lục 02 và Dự thảo Quy chế đính kèm theo Tờ trình này.

### **4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản trị nội bộ**

Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực đã được sửa đổi lần thứ 03, được ĐHCĐ thông qua ngày 15/3/2024. Luật Các TCTD 2024 có các quy định sửa đổi, bổ sung tác động cơ bản đến cơ chế quản trị, điều hành của EVNFinance. Để đảm bảo Quy chế Quản trị nội bộ phù hợp hơn với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của Công ty, HĐQT kính trình ĐHCĐ phê duyệt các nội dung sửa đổi, bổ sung và ủy quyền/giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục sửa đổi Quy chế này theo nội dung đã được phê duyệt.

Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực tại Phụ lục 03 và dự thảo Quy chế đính kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc
- Lưu: K.QTĐH.



**PHẠM TRUNG KIÊN**

**PHỤ LỤC 02. BẢNG GIẢI TRÌNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Nội dung của Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị mới bao gồm 8 Chương, 37 Điều khoản, trong đó (i) bỏ 1 Điều, (ii) sửa đổi, bổ sung 19 điều khoản, (iii) giữ nguyên 17 Điều khoản, cụ thể như sau:

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	<b>Điều 1. Căn cứ pháp lý</b>	<b>Điều 1. Căn cứ pháp lý</b>	
	2.Luật các tổ chức tín dụng 2010	2.Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn sửa đổi, bổ sung	Cập nhật, bổ sung văn bản có hiệu lực.
	6.Thông tư 15/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30/06/2016, sửa đổi Thông tư 30/2015/TT-NHNN quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành;	6.Thông tư số 05/2023/TT-NHNN ngày 22/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>30/2015/TT-NHNN</u> ngày 25/12/2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	
		10.Thông tư 10/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số <u>22/2018/TT-NHNN</u> ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	
		14.Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; 15.Tiêu chuẩn ISO 9001:2015;	
2	<b>Điều 6. Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt</b>	<b>Điều 4. Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt</b>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		6.Ban Điều hành: Bao gồm Người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực .	Bổ sung định nghĩa Ban điều hành.
3	<b>Điều 8. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ</b>	<b>Điều 7. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ</b>	
	1.Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau: (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên; (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	1.Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau: (i) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị dưới 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	Cập nhật số lượng thành viên tối thiểu hội đồng quản trị độc lập theo luật TCTD 2024 và theo điều lệ mới.
	3.Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Công ty phải tiến hành bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định.	3.Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Công ty phải tiến hành bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định.	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
4	<b>Điều 9. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 8. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
	<p>1. Người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d. Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p>	<p>1. Người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c. Có trình độ đại học trở lên;</p> <p>d. Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán; của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p>	<p>Điều chỉnh lại tiêu chuẩn theo Luật TCTD 2024 và Điều lệ công ty.</p>
	<p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho chính EVN Finance công ty con của EVN Finance hoặc đã làm việc cho chính</p>	<p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không phải là người đang làm việc cho EVN Finance công ty con của EVN Finance hoặc đã làm việc cho EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>Cập nhật điều kiện không sở hữu cổ phần của EVNFC và người liên quan theo Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b.Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của EVN Finance ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c.Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance; là người quản lý của EVN Finance hoặc thành viên Ban Kiểm soát hoặc công ty con của EVN Finance;</p> <p>d.Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVN Finance; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVN Finance;</p> <p>e.Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của EVN Finance tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p>	<p>b.Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của EVN Finance ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c.Không có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance;</p> <p>d.Không đại diện sở hữu cổ phần của EVN Finance; không cùng người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVN Finance;</p> <p>e.Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của EVN Finance tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó</p>	
5	<b>Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b>	<b>Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b>	
	Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:	Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:	Điều chỉnh trường hợp không được là thành viên HĐQT theo

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty;</li> <li>2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</li> <li>3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</li> <li>4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</li> <li>5. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;</li> <li>2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</li> <li>3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;</li> <li>4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên ; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, , Tổng Giám đốc (Giám đốc) của EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác bị thu hồi Giấy phép;</li> <li>5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của EVN Finance trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69,</li> </ol>	<p>quy định tại Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>



STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>(Giám đốc) của EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 37 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>6. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của EVN Finance không được là thành viên Ban kiểm soát của EVN Finance;</p> <p>7. Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị EVN Finance không được là Tổng Giám đốc của EVN Finance;</p> <p>8. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	<p>điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>6. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p>	
6	<b>Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b>	<b>Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b>	



STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của EVN Finance không được đồng thời là người điều hành của của EVN Finance và của tổ chức tín dụng khác; không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Công ty; Không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị của EVN Finance chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của EVN Finance không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của EVN Finance và của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Người điều hành EVN Finance, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của EVN Finance;</p> <p>b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của EVN Finance, hoặc của công ty mẹ của EVN Finance hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;;</p> <p>c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Người điều hành của EVN Finance;</p> <p>b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</p> <p>c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</p>	<p>Cập nhật lại các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>
7	<b>Điều 12. Đương nhiên mất tư cách</b>	<b>Điều 11. Đương nhiên mất tư cách</b>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</li> <li>b. Vi phạm quy định tại Điều 10 của Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</li> <li>c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</li> <li>d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</li> <li>đ. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>e. Khi Công ty bị thu hồi Giấy phép.</li> </ul> <p>2. Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.</p>	<p>1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 9 Quy chế này;</li> <li>b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của EVN Finance khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;</li> <li>c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</li> <li>d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</li> <li>e. Khi EVN Finance bị thu hồi Giấy phép;</li> <li>f. Chết.</li> </ul> <p>2. Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g theo khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.</p> <p>3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>Cập nhật lại các trường hợp đương nhiên mất tư cách theo Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.		
8	<b>Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b>	<b>Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b>	
	<p>1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>b. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</li> <li>c. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>e. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;</li> <li>f. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;</li> <li>g. Theo đề xuất của cổ đông, nhóm cổ đông đối với thành viên Hội đồng quản trị mà cổ đông, nhóm cổ đông đó đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>h. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> </ul>	<p>1. Trừ trường hợp đương nhiên bị mất tư cách theo Điều 11 Quy chế này, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>e. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật liên quan;</li> <li>f. Bãi nhiệm Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 38 và Khoản 2 Điều 47 Điều lệ</li> <li>g. Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề xuất của cổ đông, nhóm cổ đông đối với thành viên Hội đồng quản trị mà cổ đông, nhóm cổ đông đó đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>h. Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề xuất của Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> </ul>	<p>Điều chỉnh lại từ ngữ theo luật TCTD và Điều lệ mới.</p>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>i. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.</p> <p>2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Cách thức thực hiện và thông báo thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>i. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Cách thức thực hiện và thông báo thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<b>9</b>	<b>Điều 14. Thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 13. Thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b>	
	<p>4. Trường hợp không đủ hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Công ty, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Trường hợp hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Công ty, thì trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều chỉnh thời hạn bổ sung thành viên HĐQT không quá 90 ngày theo luật TCTD mới và điều lệ mới.</p>
<b>10</b>	<b>Điều 15. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 14. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty vi phạm quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 11 Quy chế này và quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Ban Kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị nếu Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của Công ty vi phạm quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 Luật các Tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các Tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Ban Kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị nếu Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu theo luật TCTD 2024 và điều lệ mới.</p>
11	<b>Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b>	
	<p>Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</li> <li>2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 24 của Điều lệ Công ty;</li> <li>3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của EVN Finance;</li> </ol>	<p>Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Công ty;</li> <li>2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của EVN Finance;</li> <li>3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó</li> </ol>	<p>Bổ sung nội dung Thông qua họp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên theo Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị;</p> <p>5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>6. Cử người đại diện vốn góp của EVN Finance tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư khác;</p> <p>7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của EVN Finance từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của EVN Finance quy định tại điểm h khoản 1 Điều 24 của Điều lệ Công ty. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance;</p> <p>8. Thông qua, quyết định, phê duyệt các giao dịch, hợp đồng mua, bán (trừ các trường hợp thuộc điểm g. Khoản 4 Điều 44 Điều lệ), vay, huy động vốn trong và ngoài nước, và hợp</p>	<p>Tổng Giám đốc, , người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của EVN Finance từng thời kỳ;</p> <p>4. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của EVN Finance tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>5. Cử người đại diện vốn góp của EVN Finance tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư;</p> <p>6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của EVN Finance mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance;</p> <p>7. Thông qua, quyết định, phê duyệt các giao dịch, hợp đồng đi vay, huy động vốn trong và ngoài nước, cầm cố, thế chấp, các hình thức bảo đảm khác sử dụng tài sản của EVN Finance có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN Finance, trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN Finance, trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance;</p> <p>9. Quyết định, phê duyệt các khoản cấp tín dụng tại EVN Finance. Hội đồng quản trị có quyền phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance đối với các khoản cấp tín dụng trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>10. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 24 của Điều lệ Công ty;</p> <p>11. Thông qua các hợp đồng của EVN Finance với công ty con, công ty liên kết của EVN Finance; các hợp đồng của EVN Finance với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ</p>	<p>phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance;</p> <p>8. Quyết định, phê duyệt các khoản cấp tín dụng có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Hội đồng quản trị có quyền phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance đối với các khoản cấp tín dụng trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>9. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm n khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Công ty;</p> <p>10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác của EVN Finance có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa EVN Finance với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của EVN Finance; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của EVN Finance; công ty con, công ty liên kết của EVN Finance.</p>	



STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;</p> <p>13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của EVN Finance phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>14. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quyết định hoặc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của EVN Finance;</p> <p>16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;</p> <p>17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá: (i) tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật và (ii) định giá tài sản bảo đảm theo quy định nội bộ của EVNFinance do HĐQT ban hành tại từng thời kỳ;</p> <p>18. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;</p>	<p>11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance.</p> <p>12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;</p> <p>13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của EVN Finance phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>14. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quyết định hoặc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của EVN Finance;</p> <p>16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;</p> <p>17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;</p> <p>18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của EVN Finance;</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;</p> <p>20. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của EVN Finance;</p> <p>21. Quyết định mua lại cổ phần của EVN Finance;</p> <p>22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;</p> <p>24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;</p> <p>26. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p>	<p>19. Quyết định mua lại cổ phần của EVN Finance theo phương án được duyệt;</p> <p>20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;</p> <p>22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>23. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;</p> <p>24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;</p> <p>25. Đề cử bổ sung người đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>27. Đề cử bổ sung người đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>28. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban bao gồm Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro và các Ủy ban khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ;</p> <p>29. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng bao gồm Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư và các hội đồng khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>30. Phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi);</p> <p>31. Quyết định, phê duyệt, và triển khai các nội dung liên quan đến Phương án cơ cấu lại của EVN Finance gắn với xử lý nợ xấu và/hoặc các phương án có tính chất tương tự theo quy định pháp luật, hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;</p> <p>32. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p>	<p>đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>26. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban bao gồm Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro và các Ủy ban khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ;</p> <p>27. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng bao gồm Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư và các hội đồng khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>28. Phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu trừ trường hợp phát hành trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;</p> <p>29. Quyết định, phê duyệt, và triển khai các nội dung liên quan đến Phương án cơ cấu lại của EVN Finance gắn với xử lý nợ xấu và/hoặc các phương án có tính chất tương tự theo quy định pháp luật, hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;</p> <p>30. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</p> <p>31. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ và theo quy định của pháp luật.</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	33. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ và theo quy định của pháp luật.		
12	<b>Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	
	<p>1. HĐQT bầu ra 01 (một) Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT Công ty có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>f. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</li> <li>g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;</li> <li>h. Được ủy quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT sau đây:</li> </ul>	<p>1. HĐQT bầu ra 01 (một) Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT Công ty có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.;</li> <li>b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>e. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>f. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</li> <li>g. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT;</li> <li>h. Được ủy quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT sau đây:</li> <li>i. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Bổ sung nội dung Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ theo Luật TCTD và Điều lệ.</li> <li>2. Điều chỉnh Ban TGD thành Ban Điều hành.</li> <li>3. Điều chỉnh điểm o về phê duyệt tuyển dụng bổ nhiệm theo quy định của công ty.</li> </ul>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<ul style="list-style-type: none"> <li>i. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công;</li> <li>ii. Thay mặt Hội đồng quản trị làm việc với các cơ quan hữu quan của nhà nước, các tổ chức cá nhân đến làm việc tại Công ty cần có sự tham gia của HĐQT;</li> <li>iii. Thực hiện các công việc khác được HĐQT ủy quyền bằng văn bản trong những Quyết định cụ thể.</li> <li>i. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung;</li> <li>j. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;</li> <li>k. Ký các văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;</li> <li>l. Chủ trì các cuộc họp đột xuất nếu thấy cần thiết với Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trong Công ty để chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện các hoạt động của Công ty;</li> <li>m. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của Công ty trong thời gian chưa bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>ii. Thay mặt Hội đồng quản trị làm việc với các cơ quan hữu quan của nhà nước, các tổ chức cá nhân đến làm việc tại Công ty cần có sự tham gia của HĐQT;</li> <li>iii. Thực hiện các công việc khác được HĐQT ủy quyền bằng văn bản trong những Quyết định cụ thể.</li> <li>i. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;</li> <li>j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;</li> <li>l. Ký các văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;</li> <li>m. Chủ trì các cuộc họp đột xuất nếu thấy cần thiết với Ban Điều hành và lãnh đạo các đơn vị trong Công ty để chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành về việc thực hiện các hoạt động của Công ty;</li> <li>n. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của Công ty trong thời gian chưa bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;</li> <li>o. Phê duyệt việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, xếp và điều chỉnh lương theo quy định nội bộ của công ty;</li> </ul>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>n. Phê duyệt việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, xếp và điều chỉnh lương đối với chức danh: Giám đốc Khối và tương đương do Tổng Giám đốc trình;</p> <p>o. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p>p. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	
	<p>3. Khi xét thấy cần thiết theo thực tế tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị quyết định bầu ra một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch.</p> <p>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, được Hội đồng quản trị bầu ra theo nguyên tắc đa số. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đầy đủ các thẩm quyền trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị và có thêm các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị và ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;</p> <p>b. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;</p> <p>c. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị giữa các kỳ họp Hội đồng</p>	<p>3. Khi xét thấy cần thiết theo thực tế tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị quyết định bầu ra một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch.</p> <p>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, được Hội đồng quản trị bầu ra theo nguyên tắc đa số. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đầy đủ các thẩm quyền trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị và có thêm các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>a. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị và ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;</p> <p>b. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;</p>	<p>Điều chỉnh bổ sung các công việc của Phó chủ tịch chỉ được thực hiện khi được ủy quyền của Chủ tịch trong thời gian không thể thực hiện được nhiệm vụ.</p>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;</p> <p>d. Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo ủy quyền/phân công của Chủ tịch/ Hội đồng quản trị.</p>	<p>c. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị giữa các kỳ họp Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;</p> <p>d. Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo ủy quyền/ phân công của Chủ tịch/ Hội đồng quản trị.</p>	
13	<b>Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của EVN Finance và cổ đông.</li> <li>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành EVN Finance, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</li> <li>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</li> <li>4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của EVN Finance và cổ đông, phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình..</li> <li>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành EVN Finance, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</li> <li>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</li> <li>4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty,. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. Trường</li> </ol>	<p>Điều chỉnh theo quy định tại Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>



STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong EVN Finance cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của EVN Finance và của các đơn vị trong EVN Finance. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và theo quy định của pháp luật.</p>	<p>hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong EVN Finance cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của EVN Finance và của các đơn vị trong EVN Finance. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>8. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản a, c, d, f, h, j, k, m, o, p, t Điều 45 của Điều lệ Công ty.</p> <p>11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
14	<b>Điều 26. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b>	
	<p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</li> <li>c. Thời gian, địa điểm họp;</li> <li>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; họ, tên người được phân công là thư ký cuộc họp;</li> <li>đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</li> <li>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc người được uỷ quyền dự họp và thư ký cuộc họp.</li> </ol> <p>2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, thư ký</p>	<p>1. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</li> <li>c. Thời gian, địa điểm họp;</li> <li>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; họ, tên người được phân công là thư ký cuộc họp;</li> <li>đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</li> <li>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</li> <li>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</li> <li>i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc người được uỷ quyền dự họp và thư ký cuộc họp.</li> </ol> <p>2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, thư ký cuộc họp ký tên. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>cuộc họp ký tên. Trường hợp hai biên bản có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng Tiếng Việt có giá trị cuối cùng.</p> <p>3. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	<p>nhau. Trường hợp hai biên bản có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng Tiếng Việt có giá trị cuối cùng.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	
15	<b>Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</b>	<b>Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</b>	
	2. Khi Ban Tổng Giám đốc, các Ủy ban, Hội đồng, đơn vị trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng	2. Khi Ban Điều hành, các Ủy ban, Hội đồng, đơn vị trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị đã đầy đủ hồ	Điều chỉnh thành Ban TGD thành Ban điều hành, Tương tự

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>quản trị đã đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định nội bộ của Công ty, cá nhân được giao nhiệm vụ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác đến từng thành viên Hội đồng quản trị nhưng phải đảm bảo từng thành viên Hội đồng quản trị nhận được đầy đủ thông tin.</p>	<p>sơ, thủ tục theo quy định nội bộ của Công ty, cá nhân được giao nhiệm vụ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác đến từng thành viên Hội đồng quản trị nhưng phải đảm bảo từng thành viên Hội đồng quản trị nhận được đầy đủ thông tin.</p>	<p>tại khoản 3, 4 điều 28, Khoản 8 Điều 33 Quy chế.</p>
	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi phiếu lấy ý kiến đã được biểu quyết về Công ty trong thời hạn tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Công ty gửi Phiếu lấy ý kiến. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị cần ý kiến giải trình đối với vấn đề xin ý kiến thì gửi nội dung cần giải trình về cho cá nhân được giao nhiệm vụ bằng văn bản hoặc email trong phạm vi thời hạn quy định trên. Cá nhân được giao nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan giải trình các nội dung đó. Việc giải trình của các phòng ban phải có chỉ đạo của Ban Điều hành – là Các phòng ban chức năng liên quan trực tiếp chịu trách nhiệm soạn thảo nội dung giải trình, xin ý kiến thông qua của Tổng Giám đốc hoặc Phó TGD phụ trách đơn vị, sau đó gửi lại cá nhân được giao nhiệm vụ để cá nhân được giao nhiệm vụ báo cáo</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi phiếu lấy ý kiến đã được biểu quyết về Công ty trong thời hạn tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Công ty gửi Phiếu lấy ý kiến. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị cần ý kiến giải trình đối với vấn đề xin ý kiến thì gửi nội dung cần giải trình về cho cá nhân được giao nhiệm vụ bằng văn bản hoặc email trong phạm vi thời hạn quy định trên. Cá nhân được giao nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan giải trình các nội dung đó. Việc giải trình của các phòng ban phải có chỉ đạo của Ban Điều hành – là Các phòng ban chức năng liên quan trực tiếp chịu trách nhiệm soạn thảo nội dung giải trình, xin ý kiến thông qua của Tổng Giám đốc hoặc Phó TGD phụ trách đơn vị, sau đó gửi lại cá nhân được giao nhiệm vụ để cá nhân được giao nhiệm vụ báo cáo HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi lại Phiếu lấy ý kiến hợp lệ về Công ty trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được giải trình từ cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc Ban Điều</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>HDQT. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi lại Phiếu lấy ý kiến hợp lệ về Công ty trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được giải trình từ cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc Ban Tổng Giám đốc. Hết thời hạn quy định, cá nhân được giao nhiệm vụ được phép tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết.</p>	<p>hành. Hết thời hạn quy định, cá nhân được giao nhiệm vụ được phép tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết.</p>	
16	<b>Điều 37. Công khai các lợi ích liên quan</b>	<b>Điều 36. Cung cấp, công bố công khai lợi ích</b>	
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai với EVNFinance các thông tin sau đây, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</li> <li>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành</li> </ul>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai với EVNFinance các thông tin sau đây, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</li> <li>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</li> <li>c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</li> </ul>	<p>Bổ sung quy định về công khai thông tin của người có liên quan, cổ đông sở hữu trên 1% vđl, quy định về lưu trữ theo Luật TCTD 2024 và Điều lệ mới.</p>

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	<p>viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>EVN Finance phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của EVN Finance và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của EVN Finance.</p> <p>EVN Finance phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày EVN Finance nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance phải cung cấp cho EVN Finance các thông tin sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</li> <li>Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;</li> <li>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại EVN Finance;</li> <li>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại EVN Finance.</li> </ol> <p>3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải gửi văn bản cung cấp thông tin cho EVN Finance lần đầu và khi có và thay đổi các thông tin này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>Đối với thông tin tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho EVN Finance khi có mức thay đổi về tỷ lệ</p>	

STT	QC hiện hành	QC sau điều chỉnh	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
		<p>sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên so với lần cung cấp liền trước.</p> <p>4. EVN Finance phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày EVN Finance nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, EVN Finance công bố thông tin quy định tại điểm a,b,d Khoản 1 Điều này và các điểm a,c,d Khoản 2 Điều này cho Đại hội đồng cổ đông của EVN Finance</p> <p>5. EVN Finance phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và thông tin quy định tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của EVN Finance trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày EVN Finance nhận được thông tin cung cấp.</p> <p>6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</p>	

Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

In case of any discrepancy in the meaning between the English disclosure and the Vietnamese disclosure, the Vietnamese disclosure shall prevail.



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

**EVNFINANCE**

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Hà Nội, tháng                  năm**

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (dưới đây có thể gọi tắt là EVN Finance hoặc Công ty Tài chính Điện lực) là một công ty cổ phần được thành lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng. EVN Finance được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của EVN Finance được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của EVN Finance bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày tháng năm 2024.

### **TÓM TẮT SỬA ĐỔI**

<b>LẦN SỬA</b>	<b>NGÀY BAN HÀNH</b>	<b>TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI</b>
01	16/11/2016	Sửa đổi lần 01, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-TCĐL-HĐQT ngày 24/7/2013: Cập nhật thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quy định của Điều lệ Công ty.
02	26/6/2018	Sửa đổi lần 02, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-HĐQT-TCĐL của Hội đồng quản trị ngày 16/11/2016. Cập nhật thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quy định của Điều lệ Công ty.
03	27/4/2021	Sửa đổi lần 03, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 20A/QĐ-HĐQT-TCĐL của Hội đồng quản trị ngày 26/6/2018. Cập nhật thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quy định của Điều lệ Công ty.

04	17/3/2023	Sửa đổi lần 04, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021. Cập nhật thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quy định của Điều lệ Công ty.
05	15/3/2024	Sửa đổi lần 05, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 17/3/2023. Cập nhật thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quy định của Điều lệ Công ty.
06		Sửa đổi lần 06, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ thông qua ngày / / Cập nhật thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và theo quy định của Điều lệ Công ty.

# MỤC LỤC

0

<b>CHƯƠNG I</b> .....	5
<b>QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	5
<b>Điều 1. Căn cứ pháp lý</b> .....	5
<b>Điều 2. Mục đích</b> .....	6
<b>Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b> .....	6
<b>Điều 4. Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt</b> .....	6
<b>Điều 5. Nguyên tắc hoạt động</b> .....	7
<b>CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	8
<b>Điều 6. Nhiệm vụ chung</b> .....	8
<b>Điều 7. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ</b> .....	8
<b>Điều 8. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	8
<b>Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b> .....	9
<b>Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b> .....	10
<b>Điều 11. Đương nhiên mất tư cách</b> .....	11
<b>Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b> .....	12
<b>Điều 13. Thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	12
<b>Điều 14. Đình chỉ, tạm đình việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	13
<b>Điều 15. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị</b> .....	14
<b>CHƯƠNG III NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	14
<b>Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b> .....	14
<b>Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> .....	17
<b>Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị</b> .....	19
<b>CHƯƠNG IV CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	20
<b>Điều 19. Quy định về họp và các hình thức họp Hội đồng quản trị</b> .....	20

Điều 20. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 21. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị .....	21
Điều 22. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Hội đồng quản trị .....	22
Điều 23. Quy định về điều kiện tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.....	22
Điều 24. Thông qua các quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	24
Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	25
Điều 27. Quy trình tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị .....	27
<b>CHƯƠNG V CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO.....</b>	<b>29</b>
Điều 28. Chế độ thông tin báo cáo, chế độ văn thư của Hội đồng quản trị .....	29
Điều 29. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 30. Công bố thông tin về Hội đồng quản trị .....	31
<b>CHƯƠNG VI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CỔ ĐÔNG, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH.....</b>	<b>31</b>
Điều 31. Quan hệ với cổ đông của Công ty.....	31
Điều 32. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát .....	31
Điều 33. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc .....	32
<b>CHƯƠNG VII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....</b>	<b>33</b>
Điều 34. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 35. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị .....	33
Điều 36. Cung cấp, công bố công khai lợi ích.....	33
<b>CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>35</b>
Điều 37. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung Quy chế và các quy định khác.....	35

# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Căn cứ pháp lý**

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn sửa đổi, bổ sung
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
4. Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của Công ty Tài chính và Công ty Cho thuê tài chính;
5. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán;
6. Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Thông tư số 05/2023/TT-NHNN ngày 22/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định việc cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.
8. Thông tư 17/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 14/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về việc cấp giấy phép, mạng lưới hoạt động và hoạt động ngoại hối của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
9. Thông tư 22/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 13/2020/TT-NHNN ngày 13/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2018/TT-NHNN;
10. Thông tư 13/2019/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
11. Thông tư 10/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2018/TT-NHNN ngày 05/9/2018 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận

danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

12. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
13. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
14. Các văn bản pháp luật hướng dẫn và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan.

## **Điều 2. Mục đích**

Thống nhất về cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị. Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị. Xây dựng cơ chế hoạt động của Hội đồng quản trị và điều chỉnh mối quan hệ của Hội đồng quản trị với cổ đông, các đơn vị và tổ chức khác trong Công ty.

## **Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 4. Thuật ngữ, định nghĩa và các từ viết tắt**

1. Công ty/EVN Finance: Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
2. Điều lệ: Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
3. Đại hội cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
4. Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
5. Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
6. Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
7. Ban Điều hành: Bao gồm Người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
8. Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
9. Người điều hành: Người điều hành Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Công ty;

10. Người quản lý bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo Quy định Pháp luật và Điều lệ của Công ty từng thời kỳ;
11. Ngân hàng Nhà nước (NHNN): Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
12. Các từ ngữ, thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này được hiểu như quy định tại Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
13. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính cổ phần Điện lực;
14. HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty;
15. TGD: Tổng Giám đốc Công ty;
16. BKS: Ban Kiểm soát.

### **Điều 5. Nguyên tắc hoạt động**

1. Hội đồng quản trị tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
2. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chức năng hoạch định chính sách, kế hoạch, chương trình, định hướng, chiến lược phát triển, quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ.
3. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba; Thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
4. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn hệ thống Công ty.



## **CHƯƠNG II**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 6. Nhiệm vụ chung**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị sử dụng dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

#### **Điều 7. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ**

1. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau: (i) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị dưới 08 thành viên; (iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Công ty phải tiến hành bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định.

#### **Điều 8. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty;
  - b. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

- c. Có trình độ đại học trở lên;
  - d. Có một trong các điều kiện sau đây: Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán; của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho EVN Finance công ty con của EVN Finance hoặc đã làm việc cho EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của EVN Finance ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c. Không có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của EVN Finance, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của EVN Finance hoặc công ty con của EVN Finance;
  - d. Không đại diện sở hữu cổ phần của EVN Finance; không cùng người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVN Finance;
  - e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của EVN Finance tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

## **Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ**

Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp,

thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc EVN Finance hoặc tổ chức tín dụng khác bị thu hồi Giấy phép;
5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của EVN Finance trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật các Tổ chức tín dụng;
6. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

#### **Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của EVN Finance không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của EVN Finance và của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ sau đây:
  - a. Người điều hành EVN Finance, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của EVN Finance;
  - b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của EVN Finance, hoặc của công ty mẹ của EVN Finance hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

- c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
  - a. Người điều hành của EVN Finance;
  - b. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
  - c. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

**Điều 11. Đương nhiên mất tư cách**

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 9 Quy chế này;
  - b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của EVN Finance khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
  - c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
  - d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - e. Khi EVN Finance bị thu hồi Giấy phép;
  - f. Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
  - g. Chết.
2. Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g theo khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

## **Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm**

1. Trừ trường hợp đương nhiên bị mất tư cách theo Điều 11 Quy chế này, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
  - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;
  - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - e. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật liên quan;
  - f. Bãi nhiệm Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đáp ứng các quy định tại Khoản 3 Điều 38 và Khoản 2 Điều 47 Điều lệ;
  - g. Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề xuất của cổ đông, nhóm cổ đông đối với thành viên Hội đồng quản trị mà cổ đông, nhóm cổ đông đó đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - h. Miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề xuất của Hội đồng quản trị đối với thành viên Hội đồng quản trị mà Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - i. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
4. Cách thức thực hiện và thông báo thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Điều 13. Thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Phó chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch/Phó chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Công ty, thì trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được Đại hội đồng cổ đông bầu để tiếp tục giải quyết; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

**Điều 14. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của Công ty vi phạm quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 Luật các Tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình

thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các Tổ chức tín dụng; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Ban Kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị nếu Công ty bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

### **Điều 15. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng Quản trị sẽ thành lập và duy trì Bộ máy giúp việc bao gồm các Ủy ban và cá nhân trong công ty nếu thấy cần thiết trong từng thời kỳ.
2. Các Ủy ban bao gồm: Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Nhân sự, các Ủy ban khác để tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời kỳ. Cơ chế báo cáo và mối quan hệ giữa các Ủy ban được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức của các Ủy ban.
3. Hội đồng quản trị của EVN Finance phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại EVN Finance. Người phụ trách quản trị EVN Finance không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của EVN Finance.

## **CHƯƠNG III NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Công ty;
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của EVN Finance;
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều

hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của EVN Finance từng thời kỳ;

4. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của EVN Finance tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
5. Cử người đại diện vốn góp của EVN Finance tại doanh nghiệp, quỹ đầu tư;
6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của EVN Finance mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance;
7. Thông qua, quyết định, phê duyệt các giao dịch, hợp đồng đi vay, huy động vốn trong và ngoài nước, cầm cố, thế chấp, các hình thức bảo đảm khác sử dụng tài sản của EVN Finance có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN Finance, trừ các giao dịch, hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance;
8. Quyết định, phê duyệt các khoản cấp tín dụng có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Hội đồng quản trị có quyền phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance đối với các khoản cấp tín dụng trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác của EVN Finance có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa EVN Finance với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của EVN Finance; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của EVN Finance; công ty con, công ty liên kết của EVN Finance.



11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với các giao dịch, hợp đồng có giá trị thấp hơn, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phân cấp, phân quyền về thẩm quyền quyết định cho các cấp trong EVN Finance.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;
13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của EVN Finance phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
14. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quyết định hoặc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;
15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của EVN Finance;
16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán;
18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của EVN Finance;
19. Quyết định mua lại cổ phần của EVN Finance theo phương án được duyệt;
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát;
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
23. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
25. Đề cử bổ sung người đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

26. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban bao gồm Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro và các Ủy ban khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ;
27. Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng bao gồm Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Đầu tư và các hội đồng khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
28. Phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu trừ trường hợp phát hành trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
29. Quyết định, phê duyệt, và triển khai các nội dung liên quan đến Phương án cơ cấu lại của EVN Finance gắn với xử lý nợ xấu và/hoặc các phương án có tính chất tương tự theo quy định pháp luật, hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;
30. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
31. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. HĐQT bầu ra 01 (một) Chủ tịch trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT Công ty có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
  - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
  - g. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT;
  - h. Được ủy quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT sau đây:
    - i. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công;
    - ii. Thay mặt Hội đồng quản trị làm việc với các cơ quan hữu quan của nhà nước, các tổ chức cá nhân đến làm việc tại Công ty cần có sự tham gia của HĐQT;

- iii. Thực hiện các công việc khác được HĐQT ủy quyền bằng văn bản trong những Quyết định cụ thể.
- i. Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
  - j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;
  - k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;
  - l. Ký các văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;
  - m. Chủ trì các cuộc họp đột xuất nếu thấy cần thiết với Ban Điều hành Tổng Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trong Công ty để chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành về việc thực hiện các hoạt động của Công ty;
  - n. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của Công ty trong thời gian chưa bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;
  - o. Phê duyệt việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, xếp và điều chỉnh lương đối với chức danh theo quy định nội bộ của Công ty;
  - p. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị/ người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
3. Khi xét thấy cần thiết theo thực tế tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị quyết định bầu ra một thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm chức danh Phó Chủ tịch.
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, được Hội đồng quản trị bầu ra theo nguyên tắc đa số. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có đầy đủ các thẩm quyền trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị và có thêm các

quyền hạn và nhiệm vụ sau đây theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ:

- a. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị và ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;
- b. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;
- c. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị giữa các kỳ họp Hội đồng quản trị khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền/phân công;
- d. Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo ủy quyền/ phân công của Chủ tịch/ Hội đồng quản trị.

#### **Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của EVN Finance và cổ đông, phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành EVN Finance, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
5. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
6. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong EVN Finance cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của EVN Finance và của các đơn vị

trong EVN Finance. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

8. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các điểm a, c, d, f, h, j, k, m, o, p, t khoản 3 Điều 45 của Điều lệ Công ty.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG IV**

### **CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 19. Quy định về họp và các hình thức họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập.
2. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo các hình thức sau đây:
  - a. Hình thức nghị sự trực tiếp tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - b. Hình thức họp trực tiếp kết hợp họp thông qua điện thoại trực tiếp hoặc phương tiện điện tử đối với trường hợp có thành viên vì lý do khách quan không thể tham dự tại địa điểm triệu tập, với điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
    - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác nhau cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
    - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;
    - Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương thức điện tử khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.
  - c. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.

3. Các Quyết định được thông qua trong một cuộc họp, có thể có sự tham dự thông qua điện thoại hoặc các phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### **Điều 20. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị**

Trường hợp Hội đồng quản trị họp cuộc họp đầu tiên bắt đầu mỗi nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số, một người trong số họ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 21. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ và pháp luật quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước và tiến hành họp Hội đồng quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc

miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự theo quy định để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Công ty.

## **Điều 22. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên HĐQT ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Hội đồng quản trị trước khi họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 23. Quy định về điều kiện tiến hành và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên trực tiếp hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
  4. Mỗi thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp nếu có đề nghị bằng văn bản và được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

5. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ khác có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
6. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.



7. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Thành viên Hội đồng quản trị nếu theo sự nhận biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty phải trình báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị sẽ xem xét về việc giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó. Trong trường hợp khác thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất sau khi biết có quyền lợi liên quan của mình.

#### **Điều 24. Thông qua các quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị**

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua và có hiệu lực ngay tại thời điểm đó hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết, quyết định nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự hợp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

Các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành phải được thể hiện bằng văn bản và phải gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị khi ban hành bằng các hình thức bản cứng hoặc bản scan qua email.

#### **Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c. Thời gian, địa điểm họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; họ, tên người được phân công là thư ký cuộc họp;
  - đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc người được uỷ quyền dự họp và thư ký cuộc họp.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, thư ký cuộc họp ký tên. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp hai biên bản có sự khác biệt về nội dung thì biên bản được lập bằng Tiếng Việt có giá trị cuối cùng.
  3. Chủ tọa, người ghi biên bản và người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
  4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
  5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện sau:
  - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị;
2. Khi Ban Điều hành, các Ủy ban, Hội đồng, đơn vị trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị đã đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định nội bộ của Công ty, cá nhân được giao nhiệm vụ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác đến từng thành viên Hội đồng quản trị nhưng phải đảm bảo từng thành viên Hội đồng quản trị nhận được đầy đủ thông tin.
3. Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có thể thông qua hình thức gửi email đến địa chỉ email của từng thành viên Hội đồng quản trị hoặc gửi bản cứng bằng phương thức bảo đảm. Ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị là căn cứ để Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết. Các thành viên Hội đồng quản trị sau đó phải ký vào văn bản xin ý kiến gửi về cá nhân được giao nhiệm vụ theo đúng thời hạn quy định.
4. Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản phải có nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Mục đích và vấn đề cần lấy ý kiến;
  - b. Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành hoặc không tán thành hoặc ý kiến khác (nếu có);
  - c. Ngày, tháng, năm ghi Phiếu lấy ý kiến;
  - d. Họ tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị trên mỗi phiếu.
5. Phiếu lấy ý kiến hợp lệ là phiếu có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị được xin ý kiến và phải đánh dấu vào phương án biểu quyết theo đúng quy định. Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ sẽ không được tính vào số lượng phiếu biểu quyết để tính tỷ lệ thông qua nội dung cần xin ý kiến.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi phiếu lấy ý kiến đã được biểu quyết về Công ty trong thời hạn tối đa là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Công ty gửi Phiếu lấy ý kiến. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị cần ý kiến giải trình đối với vấn đề xin ý kiến thì gửi nội dung cần giải trình về cho cá nhân được giao nhiệm vụ bằng văn bản hoặc email trong phạm vi thời hạn quy định trên. Cá nhân được giao nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan giải trình các nội dung đó. Việc giải trình của các phòng ban phải có chỉ đạo của Ban Điều hành – là Các phòng ban chức năng liên quan trực tiếp chịu trách nhiệm soạn thảo nội dung giải trình, xin ý kiến thông qua của Tổng Giám

đốc hoặc Phó TGD phụ trách đơn vị, sau đó gửi lại cá nhân được giao nhiệm vụ để cá nhân được giao nhiệm vụ báo cáo HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi lại Phiếu lấy ý kiến hợp lệ về Công ty trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được giải trình từ cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc Ban Điều hành. Hết thời hạn quy định, cá nhân được giao nhiệm vụ được phép tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết.

7. Cá nhân được giao nhiệm vụ kiểm phiếu sau đó lập Biên bản tổng hợp ý kiến. Biên bản tổng hợp ý kiến phải có những nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
  - b. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
  - c. Tổng số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu có ý kiến khác đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
  - d. Kết quả kiểm phiếu: Ghi rõ các vấn đề được thông qua với tỷ lệ biểu quyết đối với từng vấn đề.
8. Cá nhân được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản tổng hợp ý kiến, đồng thời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
9. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký vào Biên bản tổng hợp ý kiến bằng văn bản.
10. Các Phiếu lấy ý kiến được lưu cùng Biên bản tổng hợp ý kiến tại Trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 27. Quy trình tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Công tác chuẩn bị:
  - a. Căn cứ chương trình công tác của Hội đồng quản trị và những vấn đề phát sinh cần đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị bàn bạc, xem xét, quyết định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị chỉ đạo chuẩn bị những nội dung phù hợp với chức trách nhiệm vụ của từng thành viên để trình Hội đồng quản trị;
  - b. Các Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận có liên quan trong Công ty nghiên cứu, xây dựng, chuẩn bị các nội dung liên quan trình Hội đồng quản trị;
2. Xây dựng chương trình họp:

- a. Cá nhân được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm xây dựng chương trình họp Hội đồng quản trị;
- b. Chương trình một cuộc họp Hội đồng quản trị thường có các phần chính:
  - Xác nhận những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã được quyết định trong thời gian giữa kỳ họp trước đến kỳ họp đang tổ chức;
  - Thông qua báo cáo thực hiện kế hoạch kinh doanh, kết quả tài chính và báo cáo kiểm soát trong kỳ;
  - Thông qua những chủ trương, chính sách và các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị;
  - Thông qua những vấn đề cụ thể khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Mời họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo cá nhân được giao nhiệm vụ gửi giấy mời và nội dung chương trình họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và khách mời (nếu có). Cá nhân được giao nhiệm vụ thừa lệnh Chủ tịch Hội đồng quản trị ký giấy mời họp hoặc gửi email mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Trong chương trình họp nêu rõ từng thành viên tham dự cuộc họp chịu trách nhiệm chuẩn bị các nội dung cụ thể để báo cáo trước Hội đồng quản trị (nếu có).
4. Chuẩn bị và gửi tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị: Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công chuẩn bị các nội dung đưa ra trong cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ đạo các chủ đề tài, các bộ phận liên quan trong Công ty phối hợp với cá nhân được giao nhiệm vụ hoàn tất tài liệu, gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị trước cuộc họp theo đúng quy định để các thành viên Hội đồng Quản trị nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị tham gia ý kiến trong cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo những vấn đề Hội đồng quản trị đã chỉ đạo giải quyết giữa hai kỳ họp để các thành viên Hội đồng quản trị biết. Trên cơ sở theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo chức trách, nhiệm vụ được phân công, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia ý kiến đánh giá, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong kỳ họp trước;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị được phân công chuẩn bị các nội dung cụ thể trình bày, báo cáo trước Hội đồng quản trị. Các thành viên dự họp tham gia ý

kiến hoặc yêu cầu giải trình rõ thêm. Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người chủ trì) đưa ra ý kiến trước khi biểu quyết và tiến hành biểu quyết (nếu có).  
Thư ký cuộc họp ghi biên bản.

6. Ghi biên bản cuộc họp: Biên bản cuộc họp tuân thủ quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

## **CHƯƠNG V**

### **CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO**

#### **Điều 28. Chế độ thông tin báo cáo, chế độ văn thư của Hội đồng quản trị**

1. Cá nhân được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tiếp nhận các văn bản, tờ trình của các Ủy ban, các Hội đồng, Tổng Giám đốc, các khối, các phòng, ban, đơn vị, cá nhân trong Công ty trình lên Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ của Công ty.
2. Hồ sơ trình lên Hội đồng quản trị phải được gửi đồng thời dưới tất cả các hình thức sau: bản cứng có đóng dấu, file lưu định dạng PDF, bản word, bản excel (nếu có) và do các đơn vị đầu mối trình chịu trách nhiệm chuẩn bị.
3. Tất cả các văn bản đến Công ty được bộ phận văn thư tiếp nhận và phân loại: Đối với các công văn đến có tính chất quan trọng hoặc thuộc phạm vi trách nhiệm của Hội đồng quản trị thì trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền phê duyệt để chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị thực hiện.
4. Các văn bản phát hành đi của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quản lý trên hệ thống riêng biệt với hệ thống văn bản do Ban Điều hành ban hành. Cá nhân được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm quản lý hệ thống số và lưu các văn bản đó. Việc phát hành văn bản do bộ phận văn thư Công ty thực hiện theo quy định về phát hành văn bản của Công ty.
5. Ban Kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý và người điều hành Công ty theo quy định.
6. Ban Kiểm soát nhận Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đồng thời với các thành viên Hội đồng quản trị. Hình thức nhận văn bản theo quy định nội bộ của Công ty về việc phát hành văn bản.
7. Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ban Kiểm soát các thông tin về chính sách, chủ trương, định hướng hoạt động, phương án tăng giảm vốn điều lệ, cổ đông, cổ

phiếu... làm cơ sở cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình theo quy định.

8. Tất cả các báo cáo chính thức gửi Hội đồng quản trị phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản theo quy định về lưu trữ văn bản của Công ty.

## **Điều 29. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Trưởng/phụ trách các phòng, ban, đơn vị, Giám đốc các chi nhánh cung cấp các thông tin, tài liệu, báo cáo liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách hoặc các vấn đề trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt;
  - b. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Trưởng/phụ trách các phòng, ban, đơn vị, Giám đốc các chi nhánh có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo cho các thành viên HĐQT khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp;
  - c. Trong trường hợp thông tin được cung cấp không đảm bảo sự chính xác, trung thực và đầy đủ dẫn đến hậu quả pháp lý thì các chủ thể cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc trách nhiệm liên đới theo quy định của pháp luật;
2. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo một trong hai phương thức sau:
  - a. Các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Trưởng/phụ trách các phòng, ban, đơn vị, Giám đốc các chi nhánh cung cấp các thông tin tài liệu cần thiết liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách hoặc các vấn đề trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt;
  - b. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể thông qua cá nhân được giao nhiệm vụ để truyền đạt tới Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người đứng đầu các đơn vị trong Công ty về việc yêu cầu cung cấp thông tin tài liệu. Cá nhân được giao nhiệm vụ thông báo tới các đơn vị có liên quan về yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo Ban Tổng Giám đốc về yêu cầu cung cấp thông tin. Các đơn vị nhận được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu về nội dung và thời hạn theo thông báo của cá nhân được giao nhiệm vụ sau khi nội dung cung cấp thông tin đã được sự phê duyệt của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc phụ trách;

- c. Việc yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị cần thông qua hình thức văn bản hoặc email cụ thể để các đơn vị thực hiện cung cấp thông tin chính xác và kịp thời.

### **Điều 30. Công bố thông tin về Hội đồng quản trị**

Việc thực hiện công bố thông tin về Hội đồng quản trị của EVNFinance theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

## **CHƯƠNG VI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI CỔ ĐÔNG, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH**

### **Điều 31. Quan hệ với cổ đông của Công ty**

Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty, do đó phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Công ty, kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị quan hệ làm việc với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Ban Kiểm soát.
3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
4. Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp, nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp.
5. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Công ty về phát hành văn bản.



6. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.
7. Khi tiếp nhận các kiến nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị thực hiện hoặc chỉ đạo Tổng Giám đốc, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời, báo cáo lại Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kết quả thực hiện.

### **Điều 33. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi, thông qua danh sách nhân sự, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước và quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ của Công ty.
2. Hội đồng quản trị ban hành các văn bản quy định cụ thể việc phân cấp thẩm quyền quyết định các hoạt động của Công ty.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện quyền điều hành toàn hệ thống Công ty.
4. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.
5. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc khi thấy cần thiết.
6. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm, Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và phương hướng thực hiện nhiệm vụ trong kỳ tới.
7. Tổng Giám đốc bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cho Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.
8. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu Ban Điều hành bố trí lịch làm việc trực tiếp với lãnh đạo các Phòng tại Hội sở chính và các phòng/chi nhánh/trung tâm/tổ để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công. Ngay sau khi nhận được yêu cầu, Ban Điều hành có trách nhiệm bố trí và sắp xếp lịch làm việc theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VII CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 34. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty, đảm bảo Công ty phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị.
2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng, và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trường hợp mức khen thưởng vượt mức thù lao, thưởng, các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

### **Điều 36. Cung cấp, công bố công khai lợi ích**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai với EVNFinance các thông tin sau đây, bao gồm:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành

viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

- c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
  - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của EVN Finance phải cung cấp cho EVN Finance các thông tin sau đây:
- a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
  - b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;
  - c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại EVN Finance;
  - d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại EVN Finance.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải gửi văn bản cung cấp thông tin cho EVN Finance lần đầu và khi có và thay đổi các thông tin này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- Đối với thông tin tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho EVN Finance khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên so với lần cung cấp liền trước.
4. EVN Finance phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tại trụ sở chính và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày EVN Finance nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, EVN Finance công bố thông tin quy định tại điểm

a, b, d Khoản 1 Điều này và các điểm a, c, d Khoản 2 Điều này cho Đại hội đồng cổ đông của EVN Finance

5. EVN Finance phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và thông tin quy định tại điểm c và điểm d Khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của EVN Finance trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày EVN Finance nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

## **CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 37. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung Quy chế và các quy định khác**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT-TCĐL ngày 27/3/2024.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**PHẠM TRUNG KIÊN**

Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

In case of any discrepancy in the meaning between the English disclosure and the Vietnamese disclosure, the Vietnamese disclosure shall prevail.

**PHỤ LỤC 03. BẢNG GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NĂM 2024 CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Nội dung của Quy chế Quản trị nội bộ mới bao gồm 11 Chương, 35 Điều khoản và ban hành kèm theo 1 Phụ lục. Trong đó: (i) lược bỏ 01 điều khoản, (ii) sửa đổi, bổ sung 15 điều khoản, (iii) giữ nguyên 20 điều khoản, cụ thể như sau:

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH EVNFINANCE	ĐIỀU LỆ SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CƠ SỞ PHÁP LÝ/LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
<b>1</b>	<b>Điều 1. Định nghĩa</b>		
	Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD 2024.
		7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực; 8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015; 9. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan.	Bổ sung thêm căn cứ pháp lý.
<b>2</b>	<b>Điều 2. Mục đích ban hành</b>		
	Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để: (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (" <b>Công ty</b> ") và (ii) đảm bảo Công ty hoạt động phù hợp với quy định của pháp	Bỏ điều khoản này.	

	luật, Điều lệ Công ty và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.		
<b>3</b>	<b>Điều 3. Phạm vi điều chỉnh</b>	<b>Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	
	Quy chế này áp dụng đối với bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.	<p>1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này áp dụng đối với bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy chế này được áp dụng trong toàn hệ thống Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.</p>	Bổ sung Đối tượng áp dụng.
<b>4</b>	<b>Điều 5. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt</b>	<b>Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt</b>	
	<p>1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <i>Công ty/EVN Finance</i>: Là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;</p> <p>b) <i>Điều lệ</i>: Là Điều lệ của Công ty được ban hành tại từng thời điểm;</p> <p>c) <i>Người Điều hành</i>: Gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh;</p> <p>d) <i>Người điều hành khác</i>: Theo quy định của Công ty theo từng thời kỳ;</p>	<p>1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) <i>Công ty/EVN Finance</i>: Là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;</p> <p>b) <i>Điều lệ</i>: Là Điều lệ của Công ty được ban hành tại từng thời điểm;</p> <p>c) <i>Người Điều hành</i>: Gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh;</p> <p>d) <i>Người điều hành khác</i>: Theo quy định của Điều lệ Công ty theo từng thời kỳ;</p> <p>e) <i>Ban điều hành</i>: Bao gồm Người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;</p>	<p>Hiệu chỉnh các định nghĩa để phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành.</p> <p>Bổ sung định nghĩa “Cổ đông lớn” và “Ban điều hành”.</p>

<p>e) <i>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</i>: (sau đây gọi là “Thành viên không điều hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>f) <i>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> (sau đây gọi là “Thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và khoản 2 Điều 50 Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>g) <i>Người có liên quan</i>: được định nghĩa theo khoản 28 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVN Finance mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;</p> <p>h) <i>Người phụ trách quản trị Công ty</i>: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>i) <i>DHDCĐ</i>: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty;</p> <p>j) <i>HDQT</i>: Là HĐQT Công ty;</p> <p>k) <i>TGD</i>: Là Tổng Giám đốc Công ty;</p> <p>l) <i>BKS</i>: Là Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh</p>	<p>f) <i>Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</i>: (sau đây gọi là “<b>Thành viên không điều hành</b>”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g) <i>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> (sau đây gọi là “<b>Thành viên độc lập</b>”) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 41 Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>h) <i>Người có liên quan</i>: được định nghĩa theo Khoản 24 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVN Finance mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;</p> <p>i) <i>Người phụ trách quản trị Công ty</i>: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>j) <i>Cổ đông lớn</i> của EVN Finance là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại EVN Finance, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp;</p> <p>k) <i>DHDCĐ</i>: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty;</p> <p>l) <i>HDQT</i>: Là Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>m) <i>TGD</i>: Là Tổng Giám đốc Công ty;</p> <p>n) <i>BKS</i>: Là Ban Kiểm soát.</p>	
--	---	--

	cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và của pháp luật.	2. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và của pháp luật.	
<b>5</b>	<b>Điều 7. Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 6: Quyền của cổ đông</b>	
	<p>Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, ngoài ra còn có các quyền sau đây:</p> <p>1. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHCĐ thông qua.</p> <p>2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan</p>	<p>1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại EVN Finance. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về chứng khoán. Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần được chào bán, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;</p> <p>d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của EVN Finance hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ của EVN Finance và/hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của EVN Finance.</p>	<p>Cơ cấu lại nội dung điều khoản.</p> <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 61 Luật Các TCTD 2024 và Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>



		<ul style="list-style-type: none"> <li>e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.</li> <li>f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của EVN Finance, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại EVN Finance khi EVN Finance giải thể hoặc phá sản.</li> <li>h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</li> <li>i) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của EVN Finance hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của EVN Finance không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.</li> <li>j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;</li> <li>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do EVN Finance công bố theo quy định của pháp luật;</li> <li>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; được đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</li> <li>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</li> </ul>	
		<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc theo tỷ lệ khác theo quy định của Điều lệ Công ty có quyền:</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

		a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.	
	<p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên HĐQT và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại điểm f Khoản 7 Điều 43 và điểm f Khoản 4 Điều 55 Điều lệ Công ty đề cử.</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p>	Hiệu chỉnh theo Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020.
<b>6</b>	<b>Điều 8. Nghĩa vụ của Cổ đông lớn</b>	<b>Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông</b>	
	Không quy định nghĩa vụ chung của cổ đông phổ thông.	<p>1. Cổ đông phổ thông của EVN Finance phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do EVN Finance quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác</p>	Điều chỉnh lại cơ cấu điều khoản: Bổ sung nghĩa vụ chung của cổ đông theo quy định tại Điều 62 Luật các TCTD 2024.

		<p>của EVN Finance trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào EVN Finance;</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi EVN Finance dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của EVN Finance, trừ trường hợp EVN Finance mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong EVN Finance phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của EVN Finance trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại EVN Finance; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của EVN Finance; không được góp vốn, mua cổ phần của EVN Finance dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của EVN Finance;</p> <p>e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh EVN Finance dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>g) Bảo mật thông tin được EVN Finance cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của EVN Finance; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và</p>	
--	--	--	--

		<p>bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được EVN Finance cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>h) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>• Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>• Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>• Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</li> <li>• Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</li> </ul> <p>i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho EVN Finance thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong EVN Finance. EVN Finance có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.</p>	
	<p>Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>

	2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.	c) Các nghĩa vụ khác theo quy định quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.	
7	<b>Điều 9. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty</b>	<b>Điều 8. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty</b>	
	<p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.</p> <p>2. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.</p> <p>3. Quyết định của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.</p> <p>2. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.</p> <p>3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.</p>	Hiệu chỉnh để phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty.
8	<b>Điều 10. Triệu tập họp ĐHĐCĐ</b>	<b>Điều 9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ</b>	
	<p>1. Hội ĐHĐCĐ thường niên:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Hội ĐHĐCĐ thường niên:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập, được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam; Địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của EVN Finance có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, EVN Finance phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVN Finance dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại</p>	Điều chỉnh để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

		diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của EVN Finance.	
9	<b>Điều 11. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp</b>	<b>Điều 10. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp</b>	
	<p>Trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật. Một số quy định chính về thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ như sau:</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật. Một số quy định chính về thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ như sau:</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách cổ đông của Công ty và danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác lập tại thời điểm xác định quyền dự họp theo quy định pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thời hạn khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán, tùy thuộc thời điểm nào đến trước. EVN Finance phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Hiệu chỉnh để phù hợp với Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020, Thông tư 119/2020/T-BTC và Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, một số quy định chính về thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, như sau:</p>	<p>2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 27, 28 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, một số quy định chính về thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, như sau:</p> <p>a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21</p>	<p>Bổ sung căn cứ pháp lý từ Điều lệ Công ty.</p>

	<p>a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông).</p> <p>b) Tài liệu họp bao gồm: mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>c) Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông).</p> <p>b) Tài liệu họp bao gồm: mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>c) Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	
<b>10</b>	<b>Điều 14. Quyết định của ĐHĐCĐ</b>	<b>Điều 13. Nghị quyết của ĐHĐCĐ</b>	
	<p>1. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan (bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành, cổ đông...) đều có nghĩa vụ thi hành.</p> <p>2. Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị</p>	<p>1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan (bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành, cổ đông...) đều có nghĩa vụ thi hành.</p> <p>2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần</p>	<p>Điều chỉnh thuật ngữ “Quyết định” thành “Nghị quyết” để phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.</p>

	quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.	nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.	
<b>11</b>	<b>Điều 15. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>	<b>Điều 14. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>	
	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh thuật ngữ “Quyết định” thành “Nghị quyết” để phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.
	9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	
<b>12</b>	<b>Điều 16. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty</b>	<b>Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty</b>	
	4. HĐQT phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi	4. HĐQT phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	Hiệu chỉnh số lượng tối thiểu của thành viên HĐQT theo Điều 69 Luật các TCTD 2024 và Điều 154 Luật Doanh nghiệp.



	<p>HDQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc Trường hợp tất cả thành viên HDQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HDQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Số lượng thành viên HDQT độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT là 05 thành viên;</li> <li>ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT từ 06 đến 08 thành viên;</li> <li>iii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT từ 09 đến 11 thành viên.</li> </ul>	<p>5. Trường hợp tất cả thành viên HDQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HDQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Số lượng thành viên HDQT độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT dưới 08 thành viên;</li> <li>ii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HDQT từ 09 đến 11 thành viên.</li> </ul>	
	<p>Trường hợp số thành viên HDQT không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của EVN Finance thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, EVN Finance phải bổ sung đủ số lượng thành viên HDQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT của EVN Finance phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà Nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.</p>	<p>Trường hợp HDQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 4 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, EVN Finance phải bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HDQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên HDQT của EVN Finance phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà Nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.</p>	<p>Nêu rõ trường hợp áp dụng, điều chỉnh thời hạn phải bổ sung số lượng thành viên HDQT theo quy định tại Điều 46 và 50 Luật Các TCTD 2024.</p>
<p>13</p>	<p><b>Điều 17. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HDQT</b></p>	<p><b>Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HDQT</b></p>	

	<p>1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Nguyên tắc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào HĐQT theo quy định tại khoản 7 Điều 43 Điều lệ Công ty.</p>	<p>1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Nguyên tắc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào HĐQT theo quy định tại Khoản 8 Điều 44 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh số điều, khoản dẫn chiếu tại Điều lệ mới ban hành.</p> <p>Bổ sung tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Điều lệ mới ban hành.</p>
<b>14</b>	<b>Điều 18. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT</b>	<b>Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT</b>	
	<p>1. Thông báo họp HĐQT: Khi triệu tập họp, người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.</p> <p>2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên HĐQT được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp</p>	<p>1. Thông báo họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.</p> <p>2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.</p>	<p>Điều chỉnh làm rõ đối tượng phải gửi thông báo mời họp và điều kiện tổ chức họp HĐQT cho phù hợp với Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Hiệu chỉnh lại số điều khoản dẫn chiếu từ Điều lệ mới ban hành.</p>

	<p>được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.</p>		
	<p>3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p>	<p>3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	<p>Lược bỏ Điểm (e) để phù hợp với quy định của Luật các TCTD 2024.</p>

	<p>4. Biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 12 Điều 49 Điều lệ Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>5. Biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc theo quy định khác theo Điều lệ công ty.</p>	<p>Hiệu chỉnh theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020 và đồng bộ với Điều lệ mới ban hành.</p>
<b>15</b>	<b>Điều 19. Các Ủy ban của HĐQT</b>	<b>Điều 18. Các Ủy ban của HĐQT</b>	
	<p>2. HĐQT quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.</p>	<p>2. HĐQT quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 (hai) Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Hiệu chỉnh theo Điều 50 Luật Các TCTD 2024.</p>
<b>16</b>	<b>Điều 20. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty</b>	<b>Điều 19. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty</b>	
	<p>1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt các cổ đông để thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy</p>	<p>1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt các cổ đông để thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.</p>	<p>Hiệu chỉnh để phù hợp với Luật Các TCTD 2024.</p>

	<p>định nội bộ, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.</p> <p>2. BKS có ít nhất 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Công ty hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p>2. BKS có tối thiểu 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	
<b>17</b>	<b>Điều 21. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b>	<b>Điều 20. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b>	
	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có quan hệ gia đình, người có liên quan của người quản lý Công ty, người đại diện</p>	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật các Tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Có trình độ đại học trở lên về một trong các tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p>d) Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Không phải là người có liên quan của EVN Finance;</p>	<p>Điều chỉnh nội dung theo quy định của Luật các TCTD 2024.</p>

	<p>phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;</p> <p>e) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;</p> <p>f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>f) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;</p> <p>h) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	
<b>18</b>	<b>Điều 22. Vai trò của Tổng Giám đốc</b>	<b>Điều 21. Vai trò của Tổng Giám đốc</b>	
	Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Hiệu chỉnh theo quy định tại Điều lệ Công ty.
<b>19</b>	<b>Điều 23. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc</b>	<b>Điều 22. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc</b>	
	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 36 của Điều lệ và khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b) Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối</p>	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:</p> <p>a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 1 Điều 37 Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020 và; Khoản 1 Điều 37 của Điều lệ;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Có trình độ Đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p>	Bổ sung các nội dung theo quy định của Luật các TCTD 2024.

<p>với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p> <p>f) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của EVN Finance, Kiểm soát viên của EVN Finance; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại EVN Finance.</p>	<p>d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;</p>	
<p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>a) HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm của Công ty.</p>	<p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>a) HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy định nội bộ của Công ty (nếu có).</p>	<p>Bổ sung viện ban hành quyết định bãi nhiệm của HĐQT để phù hợp theo quy định của Luật các TCTD 2024.</p>
<p>e) Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 36 của Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.</p>	<p>e) Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng đơn vị nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.</p>	<p>Điều chỉnh tên đối tượng “Trưởng phòng nghiệp vụ” thành “Trưởng đơn vị nghiệp vụ” theo quy định của Luật các TCTD 2024.</p>

<b>20</b>	<b>Điều 26. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD</b>	<b>Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD</b>	
	<p>2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:</p> <p>b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của HĐQT. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p>	<p>2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:</p> <p>b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ.</p>	<p>Bổ sung cụm từ “quyết định” để phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty và Luật các TCTD 2024.</p>

Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

In case of any discrepancy in the meaning between the English disclosure and the Vietnamese disclosure, the Vietnamese disclosure shall prevail.



**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

**EVN *FINANCE***

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ**  
**QUẢN TRỊ NỘI BỘ**

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

(Ban hành kèm theo Phụ lục 1: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực  
tuyến và bỏ phiếu điện tử, hợp trực tiếp kết hợp với trực tuyến)

**Hà Nội, tháng ... năm ...**

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (dưới đây có thể gọi tắt là EVN Finance hoặc Công ty Tài chính Điện lực) là một công ty cổ phần được thành lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng. EVN Finance được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của EVN Finance được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

#### **TÓM TẮT SỬA ĐỔI**

<b>LẦN SỬA</b>	<b>NGÀY BAN HÀNH</b>	<b>TÓM TẮT NỘI DUNG SỬA ĐỔI</b>
01	27/4/2021	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
02	17/3/2023	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
03	15/3/2024	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
04	27/03/2024	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành
05	.../.../.....	Cập nhật các nội dung điều khoản nhằm đảm bảo phù hợp với Điều lệ Công ty sửa đổi và văn bản pháp luật hiện hành

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	4
Điều 1. Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan .....	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt.....	4
Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản.....	6
Điều 5. Cơ cấu quản trị chung.....	6
<b>CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	7
Điều 6. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông .....	9
Điều 8. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty.....	11
Điều 9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ .....	11
Điều 10. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.....	12
Điều 11. Thủ tục biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....	14
Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ.....	14
Điều 13. Nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	15
Điều 14. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản .....	15
<b>CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	16
Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty.....	16
Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	18
Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT.....	19
Điều 18. Các Ủy ban của HĐQT .....	21
<b>CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT</b> .....	21
Điều 19. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty .....	21
Điều 20. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	21
<b>CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	24
Điều 21. Vai trò của Tổng Giám đốc.....	24
Điều 22. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc .....	24
<b>CHƯƠNG VI NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	25

Điều 23. Người phụ trách quản trị công ty.....	25
<b>CHƯƠNG VII PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>26</b>
Điều 24. Nguyên tắc phối hợp.....	26
Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD .....	27
<b>CHƯƠNG VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN.....</b>	<b>29</b>
Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác .....	29
Điều 27. Giao dịch với Người có liên quan .....	30
Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty .....	30
<b>CHƯƠNG IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>30</b>
Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty .....	30
Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	31
<b>CHƯƠNG X ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....</b>	<b>31</b>
Điều 31. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.....	31
Điều 32. Tiêu chí đánh giá hoạt động .....	32
Điều 33. Khen thưởng .....	32
Điều 34. Kỷ luật .....	32
<b>CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>33</b>
Điều 35. Điều khoản thi hành .....	33
<b>PHỤ LỤC 1: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ, HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN .....</b>	<b>34</b>
(Ban hành kèm theo Quy chế quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực).....	34

# **CHƯƠNG I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Căn cứ pháp lý và các tài liệu liên quan**

1. Luật Doanh nghiệp 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
2. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
6. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
7. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
8. Tiêu chuẩn ISO 9001:2015;
9. Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định nội bộ khác có liên quan.

### **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng trong toàn hệ thống Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt**

1. Trong Quy chế này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **Công ty/EVN Finance**: Là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
- b) **Điều lệ**: Là Điều lệ của Công ty được ban hành tại từng thời điểm;
- c) **Người Điều hành**: Gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh;
- d) **Người điều hành khác**: Theo quy định của Điều lệ Công ty theo từng thời kỳ;
- e) **Ban điều hành**: Bao gồm Người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;
- f) **Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**: (sau đây gọi là “**Thành viên không điều hành**”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- g) **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập** (sau đây gọi là “**Thành viên độc lập**”) là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 41 Luật các Tổ chức tín dụng;
- h) **Người có liên quan**: được định nghĩa theo Khoản 24 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng cho các vấn đề về tổ chức, hoạt động của EVN Finance mà được quy định bởi pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về các tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
- i) **Người phụ trách quản trị Công ty**: Là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- j) **Cổ đông lớn** của EVN Finance là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại EVN Finance, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp;
- k) **ĐHĐCĐ**: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- l) **HDQT**: Là Hội đồng quản trị Công ty;
- m) **TGD**: Là Tổng Giám đốc Công ty;
- n) **BKS**: Là Ban Kiểm soát.

2. Các từ, ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này, sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của Công ty và của pháp luật.

#### **Điều 4. Các nguyên tắc quản trị cơ bản**

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
2. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
4. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
5. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;
6. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;
7. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

#### **Điều 5. Cơ cấu quản trị chung**

Cơ cấu quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## CHƯƠNG II

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 6. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông tại EVN Finance. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về chứng khoán. Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần được chào bán, Hội đồng quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;
- d) Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của EVN Finance hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ của EVN Finance và/hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định pháp luật, quy định nội bộ của EVN Finance.
- e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
- f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ của EVN Finance, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- g) Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại EVN Finance khi EVN Finance giải thể hoặc phá sản.
- h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.
- i) Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của EVN Finance hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của EVN



Finance không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.

- j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do EVN Finance công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; được đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc theo tỷ lệ khác theo quy định của Điều lệ Công ty có quyền:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều này;
- c) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của EVN Finance;
- d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của EVN Finance khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều lệ;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT hoặc Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 7. Nghĩa vụ của Cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông của EVN Finance phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do EVN Finance quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của EVN Finance trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào EVN Finance;
- b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi EVN Finance dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của EVN Finance, trừ trường hợp EVN Finance mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó

và người có lợi ích liên quan trong EVN Finance phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của EVN Finance trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại EVN Finance; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của EVN Finance; không được góp vốn, mua cổ phần của EVN Finance dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của EVN Finance;
- e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh EVN Finance dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- g) Bảo mật thông tin được EVN Finance cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của EVN Finance; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được EVN Finance cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- h) Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết qua các hình thức sau:
  - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
- i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho EVN Finance thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư

trong EVN Finance. EVN Finance có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

### **Điều 8. Vai trò của ĐHĐCĐ trong quản trị Công ty**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. ĐHĐCĐ hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.
3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

### **Điều 9. Triệu tập họp ĐHĐCĐ**

1. Họp ĐHĐCĐ thường niên:

- a) Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b) Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập, được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam; Địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của EVN Finance có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, EVN Finance phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được

chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của EVN Finance dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của EVN Finance.

## 2. Hợp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong một số trường hợp nhất định theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

### **Điều 10. Thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp**

Trình tự, thủ tục tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên được thực hiện theo Quy chế này và các quy định có liên quan của Điều lệ và pháp luật. Một số quy định chính về thủ tục và trình tự tiến hành họp ĐHĐCĐ như sau:

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác lập tại thời điểm xác định quyền dự họp theo quy định pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thời hạn khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán, tùy thuộc thời điểm nào đến trước. EVN Finance phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 27, 28 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, một số quy định chính về thông báo triệu tập ĐHĐCĐ, như sau:

- a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc (riêng thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông).

- b) Tài liệu họp bao gồm: mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- c) Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

### 3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.

- a) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - Ủy quyền cho đại diện của mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định chi tiết tại Phụ lục 01 của Quy chế này;
  - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- b) Vào ngày khai mạc cuộc họp, các cổ đông và người được uỷ quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp hoặc đăng nhập vào tài khoản truy cập do Công ty cung cấp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp.
- c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
- d) Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ, lập Biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố Nghị quyết và các vấn đề khác được thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế này, Quy chế làm việc của từng thời kì của ĐHĐCĐ và theo quy định pháp luật.

## **Điều 11. Thủ tục biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc từng nhóm vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của chủ tọa.
2. Khi đến dự họp ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông được phát Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành. Việc biểu quyết tại đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu hoặc đếm số phiếu tán thành một vấn đề và sau đó thu hoặc đếm số phiếu phủ quyết vấn đề đó, và sau đó đưa ra tổng số phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một vấn đề.
3. Cách thức kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thông qua Hội nghị trực tuyến, việc thực hiện các thủ tục biểu quyết, bỏ phiếu điện tử được quy định chi tiết tại Điều 13 Phụ lục 01 của Quy chế này.

## **Điều 12. Biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu được quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty.
2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.  
  
Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố đến các cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 13. Nghị quyết của ĐHĐCĐ**

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Công ty. Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan (bao gồm các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Điều hành, cổ đông...) đều có nghĩa vụ thi hành.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

### **Điều 14. Thủ tục họp ĐHĐCĐ thường niên thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các vấn đề quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách lấy ý kiến cổ đông, yêu cầu và cách thức lấy ý kiến, cách thức gửi được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật liên quan.



3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều lệ Công ty và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục nêu tại Khoản 2 Điều này.
4. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 Điều lệ Công ty.
5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 5 Điều 33 Điều lệ Công ty.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
7. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **CHƯƠNG III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 15. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị Công ty**

1. HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT để trình ĐHCĐ ban hành và HĐQT ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHCĐ trên cơ sở những quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT có nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

4. HĐQT phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. HĐQT phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của EVN Finance. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Số lượng thành viên HĐQT độc lập của EVN Finance phải đảm bảo quy định sau:

- i) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HĐQT dưới 08 thành viên;
- ii) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp EVN Finance có số thành viên HĐQT từ 09 đến 11 thành viên.

Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Khoản 4 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, EVN Finance phải bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên HĐQT của EVN Finance phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.

## **Điều 16. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Công ty.

3. Nguyên tắc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào HĐQT theo quy định tại khoản 8 Điều 44 Điều lệ Công ty.

4. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- a) Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
  - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
  - Trình độ chuyên môn;
  - Quá trình công tác;
  - Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
  - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - Các thông tin khác (nếu có).
- b) Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

5. Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).

6. Cách thức bầu thành viên HĐQT.

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia cho các ứng cử viên.

#### 7. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 17. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT**

HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch/ thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp định kỳ ít nhất một lần. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty, Điều 27 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật. Một số quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT như sau:

1. Thông báo họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Những thành viên HĐQT này sẽ gửi phiếu bầu cho HĐQT trước khi họp.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT: Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

#### 4. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT:

4.1. Đối với trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.

4.2. Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một nghị quyết, quyết định bởi thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

5. Biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc theo quy định khác theo Điều lệ công ty.

6. Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Khoản 10, 11 Điều 50 Điều lệ Công ty.

7. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **Điều 18. Các Ủy ban của HĐQT**

1. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.

2. HĐQT quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của 02 (hai) Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.

### **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 19. Vai trò và cơ cấu của Ban Kiểm soát trong quản trị Công ty**

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt các cổ đông để thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

2. BKS có tối thiểu 03 (ba) thành viên và không nhiều hơn 05 (năm) thành viên.

3. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

#### **Điều 20. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật các Tổ chức tín dụng;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- c) Có trình độ đại học trở lên về một trong các tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
- e) Không phải là người có liên quan của EVN Finance;
- f) Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong đương nhiệm;
- h) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định đề cử, ứng cử người vào HĐQT tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

3. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát (trong trường hợp đã xác định được các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Các ứng viên BKS có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành

viên BKS một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên BKS.

4. Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên BKS, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên BKS (nếu có).

5. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

- a) Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- b) Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- c) Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
- d) Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- e) Trường hợp không đủ hai phần ba tổng số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty, trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
- f) Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.



## **CHƯƠNG V**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 21. Vai trò của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

#### **Điều 22. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc**

##### **1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 37 của Điều lệ Công ty;
- b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
- c) Có trình độ Đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

##### **2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.**

- a) HĐQT ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy định nội bộ của Công ty (nếu có).
- b) Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của HĐQT được đảm nhiệm công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao

công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

c) Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì HĐQT phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng đơn vị nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên mất tư cách.

d) Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc HĐQT ra quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định của pháp luật.

e) Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty, HĐQT có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng đơn vị nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Công ty để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.

f) Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được chính thức bổ nhiệm, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên BKS hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 23. Người phụ trách quản trị công ty**

1. HĐQT của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty

có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG VII**

### **PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 24. Nguyên tắc phối hợp**

HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.

2. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của EVN Finance.

3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

## **Điều 25. Nội dung phối hợp giữa HĐQT, BKS và TGD**

1. Triệu tập họp HĐQT:

Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp HĐQT bất thường để thảo luận và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT:

- a) TGD tham gia các phiên họp của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo chương trình, tình hình thực hiện Nghị quyết HĐQT, các nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh được giao.
- b) Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban Kiểm soát thông báo kịp thời với HĐQT về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ và trực tiếp báo cáo trước ĐHCĐ.
- c) Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi 01 bản cho Trưởng Ban Kiểm soát để giám sát và 01 bản cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

3. Phối hợp giữa TGD và HĐQT trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao:

- a) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc phải báo cáo kịp thời tới HĐQT trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty để HĐQT xem xét. Trường hợp HĐQT không ban hành nghị quyết, quyết định thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành.
- b) Tổng Giám đốc có trách nhiệm Báo cáo với HĐQT, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- c) Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh hoặc những Người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu, báo cáo về các lĩnh vực mình phụ trách hoặc các vấn đề trình lên HĐQT phê duyệt. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các chi nhánh hoặc những Người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo cho các thành viên HĐQT khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp.
- d) Tổng Giám đốc được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay HĐQT để giải quyết tiếp.

#### 4. Phối hợp hoạt động kiểm soát, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

##### a) Quan hệ giữa BKS và HĐQT:

- Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo và kiến nghị lên ĐHCĐ.
- HĐQT, thành viên HĐQT, TGD phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- Các thành viên Ban Kiểm soát được HĐQT cung cấp tài liệu và thông tin cần thiết phục vụ công tác của BKS. BKS hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh – quản lý – điều hành Công ty, đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng với HĐQT theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra.
- Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời gian sớm nhất hoặc theo quy định của Công ty.

##### b) Quan hệ giữa BKS đối với Tổng Giám đốc:

- BKS có quyền kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành Tổng Giám đốc. BKS có quyền yêu cầu TGD cung cấp thông tin (định kỳ hoặc đột xuất) tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát. TGD có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo bộ máy chuyên môn nghiệp vụ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra.
- Ban Kiểm soát được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty để thực thi nhiệm vụ, yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán
- Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản của Trưởng BKS, nhằm bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

## CHƯƠNG VIII

### NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

#### **Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và những Người điều hành khác**

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và những Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người điều hành khác và những Người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và những Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa EVN Finance, công ty con, công ty do EVN Finance nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những Người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người điều hành khác và những Người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 27. Giao dịch với Người có liên quan**

1. Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật trong giao dịch với Người có liên quan.

2. Khi tiến hành giao dịch với những Người có liên quan, HĐQT/Ban điều hành/Người điều hành khác phải đảm bảo việc ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

3. Nội dung Hợp đồng với Người có liên quan phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định về luật lao động, môi trường và xã hội.

### **CHƯƠNG IX**

#### **BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 29. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty**

Báo cáo tình hình quản trị Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

**Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc**

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà những người trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của những người trên là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

**CHƯƠNG X**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

**Điều 31. Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác**

1. Đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác bằng các hình thức sau đây:
  - a. Tự nhận xét đánh giá;
  - b. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
  - c. Đánh giá đột xuất;
  - d. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm;
2. HĐQT sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm;
3. Ban Kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá các hoạt động của các chức danh do Ban điều hành bổ nhiệm.



### **Điều 32. Tiêu chí đánh giá hoạt động**

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành bao gồm kết quả thực hiện công việc được giao, mức độ và khối lượng hoàn thành, chất lượng và hiệu quả công việc của cá nhân và đơn vị.

### **Điều 33. Khen thưởng**

1. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Pháp luật và Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thưởng đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.
3. HĐQT quyết định mức thưởng đối với các chức danh HĐQT trực tiếp quản lý theo quy định nội bộ của Công ty. Các hình thức và mức khen thưởng, trình tự, thủ tục xét thưởng sẽ được thực hiện theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.
4. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Người điều hành không được yêu cầu trả thưởng khi EVN Finance bị lỗ.

### **Điều 34. Kỷ luật**

1. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và/hoặc Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông xem xét và xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho EVN Finance và cổ đông của EVN Finance.
3. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT quản lý trên cơ sở quy định do Hội đồng Quản trị ban hành.
4. Ban Kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ trên cơ sở quy định nội bộ của Công ty.

**CHƯƠNG XI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 35. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày ..... Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của EVN Finance.
2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì quy định của Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**PHẠM TRUNG KIÊN**

# **PHỤ LỤC 1: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ, HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN**

**(Ban hành kèm theo Quy chế quản trị nội bộ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực)**

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (Công ty/EVN Finance) bằng hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Đại hội trực tuyến** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
2. **Đại hội truyền thống** là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
3. **Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến** bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng Tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.
4. **Bỏ phiếu điện tử** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Quy chế này.
5. **Bỏ phiếu truyền thống** là việc cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại đại hội truyền thống.
6. **Phương tiện điện tử** là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.
7. **Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến** là việc cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập

để đăng nhập vào Hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.

8. **Tài khoản truy cập** bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.
9. **Mật khẩu xác thực 1 lần (OTP – One time password)**: là mật khẩu/mật mã sử dụng một lần, chỉ có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định và được nhắn tin vào số điện thoại di động/email hoặc phương thức khác của cổ đông đã cung cấp theo Quy chế này. OTP được sử dụng để cổ đông xác nhận thông tin và đồng ý thực hiện các thao tác trên Hệ thống khi tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các tác vụ khác cần xác thực từ cổ đông.
10. **Phiên đăng nhập (Session)**: là thời gian tính từ thời điểm cổ đông truy cập thành công vào Hệ thống cho đến khi: (i) hoặc là cổ đông thực hiện đăng xuất khỏi Hệ thống; (ii) hoặc cổ đông truy cập trên thiết bị khác; (iii) hoặc thời gian tổ chức Đại hội trực tuyến đã kết thúc; (iv) hoặc cổ đông tắt ngang (close) Hệ thống.
11. **Hệ thống** là tổng hợp các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để tổ chức, vận hành chương trình Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
12. **Thời gian mở cửa Hệ thống** là thời điểm bắt đầu để cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu và đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ đóng truy cập theo thông báo của Chủ tọa hoặc Ban tổ chức đại hội.

### **Điều 3. Tổ chức Đại hội trực tuyến**

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp đại hội cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định cơ quan quản lý có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.
2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp và các công việc khác theo quy định tại Điều 11 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
3. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận

tư cách cổ đông đến từng cổ đông.

4. Cổ đông đăng ký tham dự đại hội theo quy định tại Quy chế này là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội trực tuyến.
5. Hình thức cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có giá trị pháp lý như tham dự và biểu quyết tại Đại hội truyền thống, Bỏ phiếu truyền thống.
6. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn cần thiết phục vụ cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

#### **Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội**

1. Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp.
2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - a. Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.
  - b. Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.
  - c. Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Công ty và của pháp luật liên quan.
  - d. Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

#### **Điều 5. Trình tự, thể thức tiến hành Đại hội trực tuyến**

1. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo được thực

hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

2. Thể thức tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Quy chế này. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị ban hành các hướng dẫn để phù hợp với những thay đổi công nghệ và an toàn bảo mật nhưng không trái với các nguyên tắc của Quy chế này.
3. Trường hợp có sự cố kỹ thuật làm ảnh hưởng việc tham dự liên tục Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, cổ đông liên hệ Công ty theo hướng dẫn được thông báo tại thư mời họp hoặc do Ban tổ chức đại hội công bố trong thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến để được hỗ trợ.

### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết tất cả các vấn đề của đại hội, theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội.
2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại đại hội theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
3. Tuân thủ sự điều hành của Ban chủ tọa; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong đại hội.
4. Phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác và gửi thư phản hồi cho Công ty để Ban tổ chức đại hội gửi thư mời họp và/hoặc tài liệu hướng dẫn thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác đối với các thông tin đã đăng ký.
5. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến.
6. Mọi kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông được xem là ý chí của cổ đông. Kết quả bỏ phiếu thông qua phương thức điện tử có giá trị như phương thức Bỏ phiếu truyền thống.
7. Được sử dụng Tài khoản truy cập do Công ty cấp để đăng nhập vào Hệ thống và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của đại hội. Cổ đông phải

chịu trách nhiệm và không được quyền khiếu nại khi cổ đông thoát khỏi Hệ thống vì bất kỳ lý do gì hoặc để người khác sử dụng Tài khoản truy cập của mình truy cập vào Hệ thống trong thời gian diễn ra đại hội tính từ thời điểm Hệ thống mở cho việc đăng ký tham dự, thảo luận, biểu quyết đến lúc đóng Hệ thống.

8. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.
9. Cổ đông phải đảm bảo việc tham dự trực tuyến liên tục trong suốt thời gian diễn ra Đại hội trực tuyến. Hệ thống sẽ tự động ghi nhận là cổ đông tham dự kể từ thời điểm đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến cho tới khi đại hội kết thúc. Trường hợp cổ đông sau khi đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thể tham dự liên tục đến hết chương trình thì có thể thực hiện biểu quyết đối với các nội dung cần xin ý kiến cổ đông trước khi đăng xuất (logout) Hệ thống.

#### **Điều 7. Ban tổ chức đại hội**

1. Ban tổ chức đại hội là cơ quan do Hội đồng Quản trị thành lập. Số lượng và thành phần Ban tổ chức đại hội do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm sau đây:
  - a. Thực hiện các công việc theo quy định tại Quy chế này.
  - b. Hướng dẫn, đầu mối giải đáp các thắc mắc của cổ đông về việc đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
  - c. Chuẩn bị phương tiện điện tử, cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
  - d. Thực hiện các công việc khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

#### **Điều 8. Ban kiểm tra cổ đông**

1. Ban kiểm tra cổ đông là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức đại hội. Số lượng và

thành phần Ban kiểm tra cổ đông do Ban tổ chức đại hội quyết định. Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm tra cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Ban kiểm tra cổ đông có trách nhiệm:

- a. Kiểm tra tư cách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo đúng quy định pháp luật và của Quy chế này.
- b. Báo cáo trước Đại hội trực tuyến về tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội.

Phương thức kiểm tra: Ban kiểm tra cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

### **Điều 9. Chủ tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu**

1. Chủ tọa:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp, hỗ trợ Chủ tọa có một số thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp (Ban chủ tọa).
- b. Ban chủ tọa điều hành Đại hội trực tuyến theo đúng Quy chế này và nội dung chương trình làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- c. Quyết định của Ban chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội trực tuyến sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- d. Ban chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội trực tuyến một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

2. Ban thư ký:

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Ban thư ký cuộc họp, Ban thư ký thực hiện các công việc sau:

- a. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến và gửi cho Ban chủ tọa.
- b. Ghi chép trung thực diễn biến của Đại hội trực tuyến vào nội dung biên bản và



ngợi quyết cuộc họp để đại hội thông qua trước khi kết thúc đại hội.

c. Thực hiện các công việc khác theo phân công của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

i. Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến.

ii. Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết; Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

b. Ban tổ chức đại hội có thể phân công nhân sự giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### **Điều 10. Xác nhận tư cách cổ đông**

1. Công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công ty nêu tại Khoản 1 của Điều này.
3. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:
  - a. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.
  - b. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

#### **Điều 11. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)**

1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự

Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi vào số điện thoại, địa chỉ email của cổ đông hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty (<https://www.evnfc.vn>). Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.

2. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

### **Điều 12. Thảo luận tại Đại hội trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến.
2. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho Ban chủ tọa.

### **Điều 13. Hình thức, cách thức biểu quyết**

#### **1. Hình thức biểu quyết:**

Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức thức bỏ phiếu điện tử theo khoản 3 điều này.

#### **2. Thời điểm biểu quyết**

- a. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
- b. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phân diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế

tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến.

- c. Các kết quả bỏ phiếu được tính tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.
- d. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

### 3. Bỏ phiếu điện tử

- a. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.
- b. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “**Đồng ý**”, “**Không đồng ý**”, “**Không ý kiến**” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.
- c. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết bằng cách đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng được đề cập ở mục b thì được hiểu là cổ đông đó không tham gia bầu cử và không được tính vào số phiếu thu về hợp lệ.
- d. Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ nội dung bỏ phiếu nêu tại khoản 2.b Điều này. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ các kênh hỗ trợ hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi

bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

#### **4. Kết quả biểu quyết**

- a. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.
- b. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

#### **Điều 14. Tỷ lệ thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.
2. Đối với quyết định, nghị quyết về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quyết định, nghị quyết cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của EVN Finance tại Điều 17 của Điều lệ này; thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.

#### **Điều 15. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

In case of any discrepancy in the meaning between the English disclosure and the Vietnamese disclosure, the Vietnamese disclosure shall prevail.